

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên, ông Đèo Văn Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị V T T, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh L V M, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị V T T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị V T T và anh L V M đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2008, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B cấp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do anh, chị không hợp nhau, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh M không chung thủy với vợ dẫn đến cả hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Anh, chị đã ly thân nhau được khoảng hơn 03 năm nay; thời gian ly thân không ai quan tâm ai. Chị T không còn tình cảm với anh M nữa nên quyết định ly hôn với anh L V M.

Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung, tên là L T M T, sinh ngày 02/7/2008 và L B H, sinh ngày 09/4/2016. Hiện tại các cháu đang ở cùng chị T tại nhà bố mẹ chị T tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh M tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng quy định của pháp luật và triệu tập bị đơn nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có yêu cầu gì.

Kết quả xác minh của Tòa án tại Công an xã B, xác minh đối với trưởng bản A, Ủy ban nhân dân xã B, xác minh đối với bố mẹ đẻ chị T xác định: Vợ chồng chị T và anh M về chung sống với nhau từ khoảng năm 2008. Sau khi về chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị thỉnh thoảng phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do anh M không chung thủy với chị T. Chị T và anh M sống ly thân nhau từ khoảng tháng 02 năm 2022 cho đến nay, sau khi ly thân thì chị T cùng các con sống chung với ông bà ngoại, còn anh M sống tại nhà của anh chị. Hiện tại anh M đang đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, anh M cũng không khai báo tạm vắng tại địa phương, anh M vẫn thỉnh thoảng về lại địa phương và đưa cho các con tiền tiêu vặt, không ai biết anh M đi làm ở đâu và làm công việc gì. Anh M là người ở xã Nậm Xe, sau khi kết hôn với chị T thì anh chuyển sang xã B để sinh sống, Tòa án nhân dân huyện Phong

Thỏ cũng đã xác minh tại Công an xã Nậm Xe và xác định anh M đã không còn sinh sống tại xã Nậm Xe từ khi kết hôn, bố mẹ anh M cũng đã không còn ai nên anh M không trở về địa phương nữa vì vậy anh M không chuyển về xã Nậm Xe sinh sống. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tổng đạt được các văn bản cho anh M nhưng đã làm thủ tục niêm yết tại địa phương theo quy định, tuy nhiên anh M cũng không đến Tòa án giải quyết theo giấy triệu tập của Tòa án, không có yêu cầu phản tố.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến của cháu L T M T. Nguyễn vọng của cháu sau khi bố mẹ ly hôn là muốn được ở cùng mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của chị V T T, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị V T T được ly hôn với anh L V M. Về con chung: Giao cháu L T M T và cháu L B H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị V T T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh L V M. Tại thời điểm chị T gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn thì chị T không xác định nơi ở của anh M ở đâu do anh M cố tình giấu địa chỉ, không cho ai biết địa chỉ cụ thể của anh ở đâu. Chị T chỉ xác định được nơi cư trú cuối cùng của anh M là tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Do vậy đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị V T T và anh L V M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2008, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Chị T và anh M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh M chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh M không chung thủy với chị T dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị T và anh M đã sống ly thân và không còn yêu thương nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc cho nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giải quyết cho chị Vg T T được ly hôn với anh L V M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung, tên là L T M T, sinh ngày 02/7/2008 và L B H, sinh ngày 09/4/2016. Hiện tại các cháu đang ở cùng chị T tại nhà ông bà ngoại. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Theo nội dung xác minh thì bố mẹ chị T sẽ tạo mọi điều kiện cho các cháu khi ở cùng ông bà. Tòa án cũng tiến hành lấy ý kiến của cháu T thì cháu T cũng có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ khi bố và mẹ ly hôn. Xét về điều kiện, hoàn cảnh, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao các cháu L T MT và L B H cho chị V T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản: Chị T và anh M tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị V T T được ly hôn với anh L V M.

Về con chung: Giao các cháu L T M T và L B H cho chị V T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị V T T và anh L V M tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị V T T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001251 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Đường sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: HS.

Triệu Trung Tá